

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG  
Bản án số: 59/2024/HS-ST  
Ngày: 20-9-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Thắng.
- Ông Lê Đức Lam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mỹ Dung; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2024/HSST ngày 04/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 09/9/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 17/10/2002, tại Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Tổ C, Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phan Văn T1, sinh năm 1980 và con bà Cao Thị T2, sinh năm 1985, trú tại: Tổ C, Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Em ruột: Có 02 người lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013; bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ, con: không; Tiền án: Ngày 18/01/2022, Phan Văn T bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 19/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù, hiện nay chưa được xóa án tích; tiền sự: Không;

Bị cáo hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

**- Bị hại:**

1. Ông Lê Trọng T3, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: 459 đường B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 2004; Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: 101 Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bà Trương Thị T4, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn T là nhân viên quán lẩu bò “Giáo Sĩ”, địa chỉ tại: D đường B, thị trấn T, huyện Đ do ông Lê Trọng T3 làm chủ. T được giao nhiệm vụ đi chợ mua nguyên liệu, chế biến món ăn cho khách. Đến ngày 16/3/2024, do ông T3 có việc bận nên T được ông T3 giao thêm nhiệm vụ quản lý thu chi của quán, tính tiền cho khách, giữ tiền của quán và sử dụng số tiền này để đi mua nguyên liệu cho ngày hôm sau, số tiền còn dư thì chuyển vào tài khoản của ông T3. Ngày 17/3/2023, T đi chợ mua nguyên liệu phục vụ việc kinh doanh của quán H1 (số tiền này do Thông ứng trước), trong ngày tổng doanh thu của quán là 6.970.000đ trừ tiền mua nguyên liệu còn lại 6.600.000đ. Đến buổi tối cùng ngày T rủ bạn đến quán lẩu bò “G” ăn uống hết số tiền 5.200.000đ, còn lại 1.400.000đ T cất trong người. Đến sáng ngày 18/3/2023, ông T3 điện thoại và yêu cầu T chuyển tiền doanh thu ngày 17/3/2023 cho ông T3. Lúc này, do không còn tiền nên T nói dối với ông T3 là T đang bận việc và sẽ chuyển tiền sau. Sau đó, T mượn xe mô tô VISION, BKS: 36B8- 644.56 của chị Bùi Thị Ngọc M là nhân viên của quán lẩu bò “G” để đi chợ mua nguyên liệu cho quán, T dùng số tiền 1.400.000đ để mua nguyên liệu hết 140.000đ còn lại số tiền 1.260.000đ. Sau khi đi chợ T mở cốp xe của chị M thì phát hiện trong cốp có 01 ví tiền bên trong có 200.000đ, căn cước công dân, giấy tờ xe và thẻ ngân hàng của chị M. T điều khiển xe về quán lẩu bò “G” để cất nguyên liệu rồi tiếp tục mượn xe của chị M để đi mua đồ về nấu cơm cho nhân viên của quán. Do không có tiền trả cho ông T3, nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của ông T3 và bán chiếc xe của chị M, T đã đến cửa hàng mua bán xe cũ “Hùng Thu” tại lô B, bên xe T, thị trấn T, huyện Đ do ông Hồ Văn H làm chủ. T bán cho ông H chiếc xe với giá 19.000.000đ, lấy trong ví của chị M 200.000đ, sau đó T bỏ đi nơi khác. Đến ngày 18/3/2023 và 21/3/2023, chị M và ông T3 trình báo sự việc đến Cơ quan Công an huyện Đ. Đến ngày 12/6/2024, Phan Văn T đến Công an huyện Đ đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/BB-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ định giá xe moto hiệu VISION, BKS: 36B8-644.56 có giá trị 18.600.000đ.

Như vậy, số tiền mà T chiếm đoạt của ông T3 là: 6.460.000đ và chiếm đoạt của chị M số tiền: 18.800.000đ. Tổng số tiền mà T chiếm đoạt là 25.260.000đ.

Cáo trạng số 63/CT-VKSND Ngày 04/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị can Phan Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 18 đến

24 tháng tù. Đề nghị buộc [Phan Văn T](#) phải nộp bồi thường cho ông [T3](#) 6.460.000đ, cho chị [M](#) 200.000đ.

Bị cáo [T](#) không khiêu nại bản cáo trạng, khai nhận: Bị cáo [T](#) là nhân viên quán lẩu bò “Giáo Sĩ” do ông [Lê Trọng T3](#) làm chủ. Ngày 16/3/2024, [T](#) được ông [T3](#) giao thêm nhiệm vụ quản lý thu chi của quán, tính tiền cho khách, giữ tiền của quán và sử dụng số tiền này để đi mua nguyên liệu cho ngày hôm sau, số tiền còn dư thì chuyển vào tài khoản của ông [T3](#). Ngày 17/3/2023, [T](#) đi chợ mua nguyên liệu phục vụ việc kinh doanh của [quán H1](#) (số tiền này do Thông ứng trước), trong ngày tổng doanh thu của quán là 6.970.000đ trừ tiền mua nguyên liệu còn lại 6.600.000đ. Đến buổi tối cùng ngày [T](#) rủ bạn đến quán lẩu bò “[G](#)” ăn uống hết số tiền 5.200.000đ, còn lại 1.400.000đ [T](#) cất trong người. Đến sáng ngày 18/3/2023, ông [T3](#) điện thoại và yêu cầu [T](#) chuyển tiền doanh thu ngày 17/3/2023 cho ông [T3](#). Lúc này, do không còn tiền nên [T](#) nói dối với ông [T3](#) là [T](#) đang bận việc và sẽ chuyển tiền sau. Sau đó, [T](#) mượn xe mô tô VISION, BKS: 36B8- 644.56 của chị [Bùi Thị Ngọc M](#) là nhân viên của quán lẩu bò “[G](#)” để đi chợ mua nguyên liệu cho quán. Do không có tiền trả cho ông [T3](#), nên [T](#) đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của ông [T3](#) và bán chiếc xe của chị [M](#), [T](#) đã đến cửa hàng mua bán xe cũ “Hùng Thu” tại [bến xe T, thị trấn T](#), [T](#) bán cho ông [H](#) chiếc xe với giá 19.000.000đ, lấy trong ví của chị [M](#) 200.000đ, sau đó [T](#) bỏ đi nơi khác. Đến ngày 12/6/2024, bị cáo [T](#) đến [Công an huyện Đ](#) đầu thú. Bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho ông [H](#) số tiền 19.000.000đ.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện Đ](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện Đ](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào ngày 18/3/2023, sau khi được ông [Lê Trọng T3](#) giao cho [T](#) quản lý thu chi của quán lẩu bò “Giáo sĩ” và được chị [Trương Thị Ngọc M1](#) cho mượn xe mô tô để đi chợ. Do không có tiền tiêu xài cá nhân, [T](#) đã chiếm đoạt số tiền doanh thu của quán lẩu bò “Giáo sĩ” vào ngày 17/3/2023 là 6.460.000đ và chiếc xe mô tô của chị [M1](#) trị giá 18.600.000đ và 200.000đ trong ví bỏ trong cốp xe rồi bỏ đi khỏi địa phương. Tổng số tiền chiếm đoạt là 25.260.000đ.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của [Phan Văn T](#) đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Bị cáo [T](#) lợi dụng sự tin tưởng của ông [T3](#) giao cho bị cáo quản lý tiền thu chi của quán lẩu bò “Giáo sĩ” và được chị [M1](#) cho mượn xe mô tô để đi chợ. Do không có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã đem xe đi bán, sau đó bị cáo bỏ đi nơi khác chiếm đoạt toàn bộ tiền thu chi của quán và chiếc xe, tiền trong cốp xe để tiêu xài. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền sử dụng nên vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo [Phan Văn T](#) phạm tội trong trường hợp chưa được xóa án tích là tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và ra đầu thú, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét hành vi của bị cáo là coi thường pháp luật, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, nhằm đảm bảo đấu tranh và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 xe moto VISION BKS: 36B8- 644.56 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 36B8-644.56. Qua xác minh xe moto trên là tài sản của bà [Trương Thị T4](#) nên CQĐT đã trả lại cho bà [T4](#).

Đối với 01 Căn cước công dân của [Phan Văn T](#), CQĐT đã trả lại cho [T](#).

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho ông [Hồ Văn H](#) số tiền 19.000.000đ, ông [H](#) không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền 6.460.000đ của ông [Lê Trọng T3](#) và số tiền 200.000đ của chị [Trương Thị Ngọc M1](#) cần buộc [T](#) phải nộp lại để bồi thường.

[8] Đối với hành vi của ông [Hồ Văn H](#) là người mua xe của [T](#) đưa đến bán, khi mua ông [H](#) không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Phan Văn T](#) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Phan Văn T](#) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc [Phan Văn T](#) bồi thường cho ông [Lê Trong T3](#) số tiền 6.460.000đ và bồi thường cho chị [Trương Thị Ngọc M1](#) số tiền 200.000đ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo [Phan Văn T](#) phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 333.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo [T](#), ông [Hò Văn H](#) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại và bà [Trương Thị T4](#) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án DS, HS huyện Đơn Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Minh Dũng**

